

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ**
Số: 261/.../CV-XMPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Giải trình chênh lệch LNST Quý
II/2018 và 6 tháng đầu năm 2018

Thanh Ba, ngày 10 tháng 07 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lỗ và có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước của Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo Văn phòng Công ty Quý II/2018 như sau:

I. Báo cáo tài chính tổng hợp

1. Quý II/2018 và Quý II/2017

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Quý II/2018	Quý II/2017	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.403	60.582	10.821	17,86
Các khoản giảm trừ	730	-	730	-
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	70.673	60.582	10.091	16,66
Giá vốn hàng bán	60.387	52.162	8.225	15,77
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	10.286	8.420	1.866	22,16
Doanh thu hoạt động tài chính	0,5	1,3	(1)	(62,37)
Chi phí tài chính	6.775	5.665	1.110	19,59
Chi phí bán hàng	2.454	1.000	1.454	145,39
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.001	3.674	(673)	(18,32)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.944)	(1.918)	(26)	1,34
Thu nhập khác	22,3	3,1	19,3	627,50
Chi phí khác	23,5	-	23,5	
Lợi nhuận khác	(1)	3	(4)	(138,21)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.945)	(1.915)	(30)	1,56
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.945)	(1.915)	(30)	1,56

Quý II/2018 lợi nhuận sau thuế của Công ty lỗ 1.945 triệu đồng tăng lỗ 30 triệu đồng so với Quý II/2017 (Quý II/2017 lỗ 1.915 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ Quý II/2018 là 70.673 triệu đồng tăng so với Quý II/2017(60.582 triệu đồng) là: 16,66% tương ứng với 10.091 triệu

đồng. Giá vốn hàng bán tăng từ 52.162 triệu đồng Quý II/2017 lên 60.387 triệu đồng Quý II/2018 (tăng 15,77 % tương ứng tăng 8.225 triệu đồng). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ Quý II/2018 tăng 1.866 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng Quý II/2018 là: 2.454 triệu đồng tăng 145,39% tương đương 1.454 triệu đồng so với Quý II/2017 (1.000 triệu đồng). Chi phí bán hàng tăng lên là do chi phí bốc xếp xi măng tăng từ 18.000 đồng/ tấn lên 20.000 đồng/tấn, chi phí vận chuyển (cự ly 10km trở lên) tăng từ 2.150 đồng/ tấn/km lên 3.100 đồng/ tấn/ km. Chi phí quản lý doanh nghiệp Quý II/2018 (3.001 triệu đồng) giảm 673 triệu đồng so với Quý II/2017 (3.674 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 1.110 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh Quý II/2018 giảm so với Quý II/2017 là 26 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 4 triệu đồng, làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 30 triệu đồng so với Quý II/2017.

2. Báo cáo 6 tháng đầu năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	6 tháng 2018	6 tháng 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	126.595	119.418	7.176	6,01
Các khoản giảm trừ	1.626	24	1.602	-
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	124.969	119.394	5.574	4,67
Giá vốn hàng bán	109.744	105.462	4.282	4,06
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	15.224	13.932	1.292	9,27
Doanh thu hoạt động tài chính	1,1	12,0	(11)	(90,66)
Chi phí tài chính	13.417	12.184	1.233	10,12
Chi phí bán hàng	4.902	1.810	3.092	170,89
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.174	6.306	(132)	(2,10)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(9.268)	(6.356)	(2.912)	45,82
Thu nhập khác	1.138,6	35,1	1.103,5	3.146,59
Chi phí khác	23,5	-	23,5	
Lợi nhuận khác	1.115	35	1.080	3.079,58
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.153)	(6.321)	(1.832)	28,98
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.153)	(6.321)	(1.832)	28,98

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty lỗ 8.153 triệu đồng tăng lỗ 1.832 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2017 (6 tháng đầu năm 2017 lỗ 6.321 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2018 là 124.969 triệu đồng tăng so với 6 tháng đầu năm 2017 (119.394 triệu đồng) là: 4,67% tương ứng với

5.574 triệu đồng. Giá vốn hàng bán tăng từ 105.462 triệu đồng của 6 tháng đầu năm 2017 lên 109.744 triệu đồng của 6 tháng đầu năm 2018 (tăng 4,06 % tương ứng tăng 4.282 triệu đồng). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 6 tháng đầu năm 2018 tăng 1.292 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của 6 tháng đầu năm 2018 là: 4.902 triệu đồng tăng 170,89% tương đương 3.092 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2017 (1.810 triệu đồng). Chi phí bán hàng tăng lên là do chi phí bốc xếp xi măng tăng từ 18.000 đồng/ tấn lên 20.000 đồng/tấn, chi phí vận chuyển(cự ly 10km trở lên) tăng từ 2.150 đồng/ tấn/km lên 3.100 đồng/ tấn/ km. Chi phí quản lý doanh nghiệp của 6 tháng đầu năm 2018 (6.174 triệu đồng) giảm 132 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2017 (6.306 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 1.233 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2018 giảm so với 6 tháng đầu năm 2017 là : 2.912 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 1.080 triệu đồng do phát sinh nghiệp vụ bán thanh lý vật tư cũ, hỏng không sử dụng và phế liệu thu hồi , làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 1.832 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2017.

II. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty.

1. Quý II/2018 và Quý II/2017

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Quý II/2018	Quý II/2017	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.403	60.582	10.821	17,86
Các khoản giảm trừ	730	-	730	-
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	70.673	60.582	10.091	16,66
Giá vốn hàng bán	60.387	52.162	8.225	15,77
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	10.286	8.420	1.866	22,16
Doanh thu hoạt động tài chính	0,5	1,3	(1)	(62,37)
Chi phí tài chính	6.775	5.665	1.110	19,59
Chi phí bán hàng	2.454	1.000	1.454	145,39
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.001	3.674	(673)	(18,32)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.944)	(1.918)	(26)	1,34
Thu nhập khác	22,3	3,1	19,3	627,50
Chi phí khác	23,5	-	23,5	
Lợi nhuận khác	(1)	3	(4)	(138,21)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.945)	(1.915)	(30)	1,56
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.945)	(1.915)	(30)	1,56

Quý II/2018 lợi nhuận sau thuế của Công ty lỗ 1.945 triệu đồng tăng lỗ 30 triệu đồng so với Quý II/2017 (Quý II/2017 lỗ 1.915 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ Quý II/2018 là 70.673 triệu đồng tăng so với Quý II/2017(60.582 triệu đồng) là: 16,66% tương ứng với 10.091 triệu đồng. Giá vốn hàng bán tăng từ 52.162 triệu đồng Quý II/2017 lên 60.387 triệu đồng Quý II/2018(tăng 15,77 % tương ứng tăng 8.225 triệu đồng). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ Quý II/2018 tăng 1.866 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng Quý II/2018 là: 2.454 triệu đồng tăng 145,39% tương đương 1.454 triệu đồng so với Quý II/2017(1.000 triệu đồng). Chi phí bán hàng tăng lên là do chi phí bốc xếp xi măng tăng từ 18.000 đồng/ tấn lên 20.000 đồng/tấn, chi phí vận chuyển(cự ly 10km trở lên) tăng từ 2.150 đồng/ tấn/km lên 3.100 đồng/ tấn/ km. Chi phí quản lý doanh nghiệp Quý II/2018 (3.001 triệu đồng) giảm 673 triệu đồng so với Quý II/2017 (3.674 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 1.110 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh Quý II/2018 giảm so với Quý II/2017 là 26 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 4 triệu đồng ,làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 30 triệu đồng so với Quý II/2017.

2. Báo cáo 6 tháng đầu năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	6 tháng 2018	6 tháng 2017	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	126.595	119.418	7.176	6,01
Các khoản giảm trừ	1.626	24	1.602	-
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	124.969	119.394	5.574	4,67
Giá vốn hàng bán	109.744	105.462	4.282	4,06
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	15.224	13.932	1.292	9,27
Doanh thu hoạt động tài chính	1,1	12,0	(11)	(90,66)
Chi phí tài chính	13.417	12.184	1.233	10,12
Chi phí bán hàng	4.902	1.810	3.092	170,89
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.174	6.306	(132)	(2,10)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(9.268)	(6.356)	(2.912)	45,82
Thu nhập khác	1.138,6	35,1	1.103,5	3.146,59
Chi phí khác	23,5	-	23,5	
Lợi nhuận khác	1.115	35	1.080	3.079,58
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.153)	(6.321)	(1.832)	28,98
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.153)	(6.321)	(1.832)	28,98

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty lỗ 8.153 triệu đồng tăng lỗ 1.832 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2017 (6 tháng đầu năm 2017 lỗ 6.321 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2018 là 124.969 triệu đồng tăng so với 6 tháng đầu năm 2017 (119.394 triệu đồng) là: 4,67% tương ứng với 5.574 triệu đồng. Giá vốn hàng bán tăng từ 105.462 triệu đồng của 6 tháng đầu năm 2017 lên 109.744 triệu đồng của 6 tháng đầu năm 2018 (tăng 4,06% tương ứng tăng 4.282 triệu đồng). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 6 tháng đầu năm 2018 tăng 1.292 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của 6 tháng đầu năm 2018 là: 4.902 triệu đồng tăng 170,89% tương đương 3.092 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2017 (1.810 triệu đồng). Chi phí bán hàng tăng lên là do chi phí bốc xếp xi măng tăng từ 18.000 đồng/ tấn lên 20.000 đồng/tấn, chi phí vận chuyển(cự ly 10km trở lên) tăng từ 2.150 đồng/ tấn/km lên 3.100 đồng/ tấn/ km. Chi phí quản lý doanh nghiệp của 6 tháng đầu năm 2018 (6.174 triệu đồng) giảm 132 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2017 (6.306 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 1.233 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2018 giảm so với 6 tháng đầu năm 2017 là : 2.912 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 1.080 triệu đồng do phát sinh nghiệp vụ bán thanh lý vật tư cũ, hỏng không sử dụng và phế liệu thu hồi, làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 1.832 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2017.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

CÔNG TY CP XI MĂNG PHÚ THỌ



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC
Triệu Quang Thuận